

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **78/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 12/6/2023

V/v: “Tranh chấp về L hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ba.

Ông Lưu Đức Chung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lò Văn Lâm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số 984/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 về “Tranh chấp L hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Đinh Văn L**, sinh năm: 1964 (có mặt).

Địa chỉ: ấp An Viễn, xã B, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị V**, sinh năm: 1977 (có mặt).

Địa chỉ: ấp 6, xã S, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 11 năm 2022, lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Đinh Văn L trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị V tự nguyện tìm hiểu và xây dựng gia đình vào năm 2000, đến năm 2008 mới đăng ký kết hôn và được ủy ban nhân dân xã B, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/10/2008. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bắt

đồng quan điểm sống và do bà V làm ăn đổ nợ, các chủ nợ thường xuyên vào nhà chửi bới, sỉ nhục ông, sau đó ông phải đứng ra trả nợ thay cho bà V. Quá trình mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cãi vã nhau. Vợ chồng ông bà đã sống L thân từ năm 2019 đến nay. Trong thời gian L thân vợ chồng cũng không bàn bạc hàn gắn đoàn tụ được. Nay ông nhận thấy không còn tình cảm và mục đích hôn nhân không đạt nên ông xin được L hôn với bà V.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đinh Thị Tuyết H, sinh ngày 08/12/2002. Hiện nay cháu H đã trưởng thành và có đủ khả năng lao động nên ông không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị V trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đinh Văn L tự nguyện tìm hiểu và xây dựng gia đình vào năm 2000, đến năm 2008 mới đăng ký kết hôn và được ủy ban nhân dân xã B, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/10/2008. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống và do ông L có mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, việc này thì bà cũng chỉ nghe nói chứ không có chứng cứ gì chứng minh. Vợ chồng ông bà đã sống L thân từ tháng 09/2019 đến nay. Trong thời gian L thân ông bà cũng không gặp nhau để bàn bạc, hàn gắn đoàn tụ. Nay bà xác định không còn tình cảm gì với ông L nhưng bà không đồng ý L hôn mà muốn vợ chồng tiếp tục sống ly thân việc ai người nấy làm, không ảnh hưởng tới ai.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đinh Thị Tuyết H, sinh ngày 08/12/2002. Hiện nay cháu H đã thành niên và có đủ khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng ông bà có tạo dựng được những tài sản chung như sau:

01 căn nhà cấp 4 diện tích (6,5 m x 20m); 01 chiếc xe khách 16 chỗ đứng tên ông Đinh Văn L. Tổng giá trị hai tài sản khoảng 300.000.000 đồng. Trước đây bà có làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia đôi số tài sản nêu trên. Nay bà không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung nữa mà muốn vợ chồng tự thỏa thuận để lại cho con. Bà đã làm đơn xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung đề nghị tòa án đình chỉ xét xử.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Từ khi thụ lý, quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Ông Đinh Văn L và bà Nguyễn Thị V là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai vào ngày 06/10/2008. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống. Ông bà đã sống ly thân nhau từ năm 2019 đến nay. Vào năm 2022 ông L đã từng nộp đơn yêu cầu ly hôn đối với bà V ra Tòa án sau đó ông rút đơn. Bà V cũng xác nhận bà không còn tình cảm với ông L. Vì vậy, có cơ sở xác định mối quan hệ vợ chồng giữa ông L và bà V là không thể hàn gắn, đoàn tụ được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông L đối với bà V.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đinh Thị Tuyết Hồng, sinh ngày 08/12/2002. Hiện nay cháu Hồng đã trưởng thành và có khả năng lao động nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà V có yêu cầu phản tố về việc chia tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại bà đã rút đơn phản tố nên đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn.

Nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp L hôn. Bị đơn bà Nguyễn Thị V đang sinh sống tại ấp 6 xã S, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

[2]. Về nội dung: Ông Đinh Văn L và bà Nguyễn Thị V có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai vào ngày 06/10/2008. Quá trình chung sống do tính tình vợ chồng không hòa hợp nên thường xảy ra

mâu thuẫn. Vợ chồng ông L, bà V đã L thân từ năm 2019 đến nay mà không hàn gắn đoàn tụ được. Nay xét thấy mục đích hôn nhân không đạt, ông L xin L hôn bà V tại Tòa án.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Văn L về việc xin L hôn với bà Nguyễn Thị V thì thấy rằng: Ông L, bà V kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai vào ngày 06/10/2008 nên xác định hôn nhân giữa ông L, bà V là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Nay ông L xác định không còn tình cảm nên kiên quyết xin L hôn. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị V không đồng ý L hôn mà muốn vợ chồng tiếp tục sống L thân.

Tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa thì bà V đều thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018 và đã L thân từ năm 2019 đến nay. Hiện nay bà V cũng xác định không còn tình cảm gì với ông L. Mặt khác năm 2022 ông L cũng đã làm đơn xin L hôn bà V tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành nhưng sau đó rút đơn nhưng từ đó đến nay các bên cũng không hàn gắn, đoàn tụ được. Xét thấy, vợ chồng ông L, bà V đã mâu thuẫn trầm trọng, quá trình L thân đã lâu nhưng vợ chồng không bàn bạc đoàn tụ chứng tỏ mục đích hôn nhân không đạt. Do đó không thể buộc một cuộc hôn nhân tồn tại mà không có hạnh phúc, vì vậy việc ông L xin L hôn bà V là có căn cứ chấp nhận, xử cho ông Đinh Văn L được L hôn bà Nguyễn Thị V.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đinh Thị Tuyết Hồng, sinh ngày 08/12/2002. Hiện nay cháu Hồng đã trưởng thành và có đủ khả năng lao động nên không đặt ra xem xét giải quyết

Về tài sản chung: Ngày 31/01/2023 bà Nguyễn Thị V có làm đơn khởi kiện về việc chia tài sản khi L hôn. Theo đó bà V yêu cầu Tòa án chia đôi theo quy định pháp luật đối với 01 căn nhà cấp 4 diện tích (6,5 m x 20m) và 01 chiếc xe khách 16 chỗ đứng tên ông Đinh Văn L.

Ngày 09/5/2023 bà V có đơn xin rút đơn phản tố về việc chia tài sản chung, tại phiên tòa bà V vẫn giữ nguyên đề nghị rút đơn phản tố. Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung của bị đơn bà Nguyễn Thị V.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí: Ông là người nộp đơn xin L hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án L hôn theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền tạm ứng án phí về việc chia tài sản đã nộp.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 217, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn L về việc xin L hôn với bà Nguyễn Thị V. Xử cho ông Đinh Văn L được L hôn với bà Nguyễn Thị V.

2. Về nuôi con chung: Đã thành niên và có đủ khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V về việc chia tài sản chung của vợ chồng nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

4. Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

5. Về án phí: Ông Đinh Văn L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án L hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0006583 ngày 29/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Ông L đã nộp đủ án phí.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền 3.750.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009014 ngày 13/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Ông L, bà V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận :**

- CCTHADS H. Long Thành;
- VKSND H. Long Thành;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi cấp giấy CNKH;
- Lưu văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN

Lê Thị Ánh Sáng – Nguyễn Văn Ba

Nguyễn Văn Thành

